

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2020/HS-PT
Ngày 22 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Khanh.

Ông Vũ Minh Quán.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 29/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Phạm Tiến D, Nguyễn Xuân Th và Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Trần Văn T, sinh ngày 13/10/1991 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Bản L2, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Văn Nh và bà Trần Thị X. Có vợ là Ngô Thanh N và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2019 và bị tạm giam từ ngày 05/12/2019, đến ngày 21/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại – có mặt.

2. Phạm Tiến D, sinh ngày 17/4/1981 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Bản L3, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Hồng T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

3. Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 06/11/1982 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Xuân T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tr. Có vợ là Vũ Thị D1 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo Vũ Thị B1, La Hồng L1 không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trương Văn H1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: B2, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Viết X1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: V1, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1987. Nơi Đăng ký NĐKHTT tại Bản 1AB, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Số 35, đường Nguyễn Thị U, phường Đ, huyện A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Bản S, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn A1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/11/2019, Phòng Cảnh sát hình sự phối hợp với Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH Công an tỉnh Lào Cai kiểm tra hành chính nơi ở của Trần Văn T, phát hiện T đang nhập số lô, số đề vào máy tính đặt tại phòng khách ở tầng 1 của gia đình. Kiểm tra trên bàn máy tính phát hiện và tạm giữ 48 bảng tổng hợp số lô, số đề từ ngày 01/11/2019 đến ngày 25/11/2019 của các đại lý xổ số nộp cho T cùng nhiều đồ vật, tài liệu khác liên quan đến hoạt động đánh bạc dưới hình thức Lô Đề và cho vay lãi nặng. Cùng ngày tổ công tác đã kiểm tra hành chính nơi ở, nơi bán hàng của các đại lý xổ số ghi số lô, số đề đã nộp cho T gồm: Lương Thị M, Nguyễn Thị H2, Phạm Tiến D, đều trú tại xã H, huyện B, đã phát hiện và tạm giữ nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến hoạt động đánh bạc dưới hình thức Lô Đề với Trần Văn T.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, nơi làm việc (*cơ sở cầm đồ T N*) của Trần Văn T tại bản L2 và bản S, xã H, huyện B. Khám xét nơi ở của Nguyễn Xuân Th, trú tại bản S, xã H, huyện B, kết quả: Phát hiện, tạm giữ nhiều đồ vật,

tài liệu liên quan đến hoạt động đánh bạc và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Văn T.

Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Văn T:

Cơ sở Cẩm đồ “TN” do T trực tiếp quản lý và điều hành có địa chỉ tại bản L3, xã H, huyện B được Phòng tài chính kế hoạch - UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 12030001422 ngày 28/10/2015 với ngành nghề: Dịch vụ trung gian tiền tệ (Cầm đồ). Khoảng tháng 11/2019, T thuê Nguyễn Xuân H cùng trông coi cửa hàng cầm đồ. Quá trình điều tra đã xác định từ năm 2017 đến ngày 24/11/2019, Trần Văn T đã thực hiện tổng số 61 giao dịch cho vay dài hạn với tổng số tiền cho vay là 3.220.500.000 đồng. Trong đó, Trần Văn T cho 07 người vay/07 giao dịch với tổng số tiền là 305.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ năm triệu đồng*), tiền lãi đã thu là 73.800.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định tối đa 20%/năm thì bị cáo cho vay theo lãi suất cao gấp trên 5 lần là 60.473.973 đồng. Xác định số tiền bị cáo Trần Văn T cho vay lãi nặng thu lợi bất chính là 60.473.973 đồng.

Về hành vi đánh bạc của Trần Văn T và đồng phạm:

Đầu tháng 3/2019, Trần Văn T nảy sinh ý định làm chủ Lô Đề tư nhân nhằm kiếm lời, để hợp thức hóa việc thu bảng đề của các thư ký, ngày 01/3/2019 T đã ký Hợp đồng thử việc với Công ty TNHH MTV Xổ Số kiến thiết tỉnh Lào Cai về việc làm tổng đại lý Xổ Số tại khu vực xã H và các vùng lân cận. Ngày 01/6/2019 hai bên ký Hợp đồng chính thức có thời hạn đến hết ngày 31/12/2019. Sau khi ký hợp đồng với Công ty xổ số, T đi gặp Phạm Thị T2, Lương Thị S1, Nguyễn Thị H2, Mai Văn Q, Phạm Thị A2, Phạm Xuân T3, Nguyễn Đức Ng, Nguyễn Xuân Th, Phạm Thị Th3, Trần Thị N, Phạm Thị Th4, Nguyễn Thị M1, Hoàng Thị Ng2, La Hồng L1, Phạm Tiến D, cùng trú tại xã H, huyện B; Vũ Thị B1 trú tại xã T1 huyện V2 và Trần Thị N2, trú tại xã K, huyện B để mời làm đại lý bán vé xổ số cho T. Trong thời gian này có Lương Thị M, trú tại bản L, xã H, huyện B đến gặp T để xin nộp bảng số lô, số đề cho T. Về việc đi thu bảng tổng hợp số lô, số đề và thanh toán tiền Th thua với các đại lý, T giao cho Lý Văn L2 và trả cho L2 từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng.

Trần Văn T thống nhất với các đại lý sẽ trả thưởng theo hình thức Lô Đề tư nhân, phần lỗ chênh lệch trả thưởng của Nhà nước T tự chịu. Từ 17 giờ 45 phút đến 18 giờ hàng ngày, các đại lý nộp bảng tổng hợp số lô, số đề cho T thông qua L2, riêng Lương Thị M, Phạm Tiến D, Trần Thị N2, Hoàng Thị Thuận, Nguyễn Xuân Th trực tiếp mang bảng tổng hợp số lô, số đề nộp cho T còn Lương Thị S1, Hoàng Thị Ng2, Trần Thị N2, thì chụp lại bảng đã ghi rồi nộp cho T qua ứng dụng Zalo trên điện Th. Hàng ngày khi các đại lý nộp bảng tổng hợp kết quả số lô, đề của khách đánh trong ngày T đã phân loại, giữ lại toàn bộ số đề, số lô thường và một phần số lô xiên, ba càng, bốn càng để trực tiếp đánh với khách, còn lại một số lô xiên và ba càng, bốn càng T nộp về Công ty

TNHH MTV Xổ Số kiến thiết tỉnh Lào Cai qua phần mềm đã được cài sẵn trong máy tính của gia đình T để đảm bảo doanh thu theo hợp đồng đã ký. Tùy theo từng loại hình, T thỏa thuận với các đại lý: Sẽ trả thưởng theo hình thức đề tư nhân, phần lỗ chênh lệch so với đề nhà nước trả thì T chịu. Các con số ghi đề, ba càng, bốn càng, lô xiên 2, lô xiên 3, lô xiên 4 trong các bảng đề được tính theo đơn vị hàng nghìn. Đối với số đề T tính với các đại lý là 73%, riêng bà Lương Thị M, T tính 72,5%, tức là các đại lý chỉ phải thanh toán cho T 73% của tổng số tiền ghi được (*Đại lý được hưởng 7%, khách đánh được hưởng 20%*), nếu số đề trúng thưởng theo giải đặc biệt (*trùng hai số cuối*) của xổ số kiến thiết Miền Bắc thì T phải trả thưởng gấp 70 lần số trúng thưởng. Đối với số ba càng, bốn càng, lô xiên 2, lô xiên 3, lô xiên 4 T thu và trả thưởng theo quy định của Nhà nước, T tính 90%, tức là các đại lý phải thanh toán cho T 90% của tổng số tiền ghi được (*Đại lý được hưởng 10%*), nếu số ba càng trúng thưởng (*trùng ba số cuối giải đặc biệt của xổ số kiến thiết Miền Bắc*) thì T trả thưởng gấp 400 lần số tiền trúng thưởng, số bốn càng trúng thưởng (*trùng bốn số cuối giải đặc biệt của xổ số kiến thiết Miền Bắc*) thì T trả thưởng gấp 2000 lần số tiền trúng thưởng, số lô xiên 2 trúng thưởng (*trùng hai số cuối từ giải 7 đến giải đặc biệt của xổ số kiến thiết Miền Bắc*) thì T trả thưởng gấp 10 lần số tiền trúng thưởng, số lô xiên 3 trúng thưởng (*trùng hai số cuối từ giải 7 đến giải đặc biệt của xổ số kiến thiết Miền B1*) thì T trả thưởng gấp 40 lần số tiền trúng thưởng, số lô xiên 4 trúng thưởng (*trùng hai số cuối từ giải 7 đến giải đặc biệt của xổ số kiến thiết Miền B1*) thì T trả thưởng gấp 100 lần số tiền trúng thưởng. Đối với số lô thường T tính 1 điểm là 22.000 đồng, nếu số lô trúng thưởng (*trùng với hai số cuối từ giải 7 đến giải đặc biệt của xổ số kiến thiết Miền Bắc*) thì T thưởng trả 80.000 đồng/1 điểm cho các đại lý để trả cho người chơi trực tiếp (*80.000 đồng tiền thưởng/22.000 đồng tiền đánh*). Ngoài ra, T trực tiếp ghi số lô, số đề cho khách đánh trực tiếp, nếu khách nhắn tin đến thì T in ra giấy A4 để theo dõi hoặc khách tự lập các bảng số lô, số đề đánh trực tiếp với T, T tính phần trăm cho các khách chơi trực tiếp như tính với các đại lý.

Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, T đối chiếu với các bảng tổng hợp số lô, số đề đã thu để tính toán số tiền được thua, sau đó thanh toán với các đại lý vào ngày hôm sau. Ngày 25/11/2019, T đã nhận được 17 bảng tổng hợp số lô, số đề của các đại lý, khi T đang nhập số lô, số đề vào máy tính kê ở phòng khách tầng một của gia đình T thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát hình sự phối hợp với Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH Công an tỉnh Lào Cai kiểm tra hành chính tạm giữ toàn bộ 17 bảng tổng hợp số lô, số đề trên cùng nhiều đồ vật, tài liệu liên quan đến việc đánh bạc dưới hình thức Lô Đề giữa T và các đại lý. Xác định tổng số tiền bị cáo đánh bạc là: 748.809.000 đồng bằng hình thức Lô Đề đã nhận và ghi 73 bảng tổng hợp số lô, số đề.

Bị cáo Phạm Tiến D: Tháng 9/2019, T đến gặp D và mời tham gia làm đại lý bán vé xổ số, T đặt vấn đề sẽ thu tiền và trả thưởng theo hình thức Lô Đề tư nhân, D đồng ý. Khoảng 16 giờ hàng ngày, D bắt đầu ghi số lô, số đề cho khách đánh trực tiếp tại nhà anh rể D là Nguyễn Văn Đ ở bản L, xã H. Đến 18 giờ hàng ngày, D tổng hợp các số lô, số đề đã ghi vào một bảng đề và ghi ký hiệu “Chú D” rồi mang đến nộp trực tiếp cho T. Trong thời gian từ ngày 13/11/2019 đến ngày 25/11/2019, D đã ghi và nộp cho T 13 bảng tổng hợp số lô, số đề với tổng số tiền chơi và tiền khách trúng thưởng được hưởng là 320.780.500 đồng, trong đó có 136.660.000 đồng là tiền khách đánh trúng số lô, số đề được hưởng, còn 184.120.500 đồng là tiền số lô, số đề đã ghi cho khách đánh trực tiếp.

Bị cáo Vũ Thị B1: Tháng 4/2019, T đến gặp B1 để mời tham gia làm đại lý bán vé xổ số, T đặt vấn đề sẽ thu tiền và trả thưởng theo hình thức Lô Đề tư nhân, phần lỗ của nhà nước T tự chịu, B1 đồng ý. Khoảng 16 giờ hàng ngày, B1 bắt đầu ghi số lô, số đề cho khách đánh trực tiếp tại khu vực cổng đền ông Hoàng Bảy. Đến khoảng 18 giờ hàng ngày, B1 tổng hợp các số lô, số đề đã ghi cho khách vào một bảng đề rồi nộp cho T thông qua L2. Khoảng 18 giờ ngày 25/11/2019, sau khi ghi cho khách xong, B1 tổng hợp các số lô, số đề đã ghi vào một bảng đề với tổng số tiền là 5.527.000 đồng *(đã trừ phần T nộp vào Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh Lào Cai và được tính theo số tiền lô B1 tính với khách đánh trực tiếp)* rồi nộp cho T.

Bị cáo La Hồng L1: Tháng 4/2019, T đến gặp Linh để mời tham gia làm đại lý bán vé xổ số, trả thưởng theo hình thức Lô Đề tư nhân, L1 đồng ý. Khoảng 16 giờ hàng ngày, L1 bắt đầu ghi số lô, số đề cho khách đánh trực tiếp tại nơi bán hàng của Linh thuộc bản L, xã H. Đến khoảng 18 giờ hàng ngày, L1 tổng hợp các số lô, số đề đã ghi vào một bảng đề và ghi ký hiệu “L1” rồi nộp cho T thông qua L2. Khoảng 18 giờ ngày 25/11/2019, sau khi ghi cho khách xong, L1 tổng hợp các số lô, số đề của khách đã đấm vào một bảng đề với tổng số tiền là 7.315.000 đồng *(đã trừ phần T nộp vào Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh Lào Cai và được tính theo số tiền lô L1 tính với khách đánh trực tiếp)* rồi nộp cho T.

Bị cáo Nguyễn Xuân Th: Tháng 8/2019, T đến gặp Th để mời tham gia làm đại lý bán vé xổ số và trả thưởng theo hình thức Lô Đề tư nhân, Th đồng ý. Khoảng 16 giờ 30 phút hàng ngày, Th bắt đầu ghi số lô, số đề cho khách đánh trực tiếp tại nhà Th thuộc bản S, xã H. Đến khoảng 18 giờ hàng ngày, Th tổng hợp các số lô, số đề đã ghi vào một bảng đề rồi mang đến nhà T nộp cho T. Quá trình điều tra điều tra làm rõ: Vào ngày 02/8/2019 và ngày 25/11/2019, Th đã ghi số lô, số đề nộp cho T với tổng số tiền khách đánh trúng được hưởng và tiền ghi cho khách đánh trực tiếp là 34.065.000 đồng *(đã trừ phần T nộp vào Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh Lào Cai)*, trong đó có 27.165.000 đồng là ghi cho khách đánh trực tiếp, còn 6.900.000 đồng là tiền khách đánh trúng số lô, số đề được hưởng, cụ thể:

- Ngày 25/11/2019, Th trực tiếp nộp cho T một bảng tổng hợp số lô, số đề với tổng số tiền là 23.406.000 đồng.

- Ngày 27/11/2019, quá trình khám xét nơi ở của Th, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 cặp đề ghi ngày 02/8/2019 mà Th đã ghi cho khách đánh trực tiếp và nộp cho T với tổng số tiền ghi cho khách đánh trực tiếp và tiền trúng của khách được hưởng là 10.650.000 đồng, trong đó tiền đề trúng là 30.000 đồng x 70.000 đồng = 2.100.000 đồng, số điểm lô khách đánh trúng là 60 điểm x 80.000 đồng = 4.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai giám định:

- 01 (Một) bảng tổng hợp số lô số đề trên giấy A4 ghi ngày 25/11/2019 có chữ ký, chữ viết xác nhận của Trần Văn T và Nguyễn Xuân Th - Ký hiệu A1.

- 01 (Một) mảnh giấy (cặp đề) ghi ngày 2/8 có chữ ký, chữ viết xác nhận của Nguyễn Xuân Th - Ký hiệu A2.

- 10 (Mười) bảng tổng hợp số lô, số đề viết tay ghi từ ngày 15/11/2019 đến ngày 25/11/2019 (không có bản ngày 20/11/2019), trên các bảng đề có ghi chữ “Chú D” và chữ ký, chữ viết xác nhận của Trần Văn T và Phạm Tiến D - Ký hiệu từ A3 đến A12.

- 01 (Một) bảng tổng hợp số lô số đề trên giấy A4 ghi chữ “Linh 25/11/2019” có chữ ký, chữ viết xác nhận của Trần Văn T - Ký hiệu A13.

- 01 (Một) bảng tổng hợp số lô số đề trên giấy học sinh kẻ ngang ghi chữ “25/11” có chữ ký, chữ viết xác nhận của Trần Văn T - Ký hiệu A14.

Kết quả giám định như sau:

- Chữ viết tay trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 với chữ viết mang tên Nguyễn Xuân Th trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết tay bằng mực màu đen trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3 đến A12 với chữ viết mang tên Phạm Tiến D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết tay bằng mực màu đỏ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3 đến A12 với chữ viết mang tên Phạm Tiến D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 là không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết tay trên tài liệu cần giám định ký hiệu A13 với chữ viết mang tên La Hồng L1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M9 đến M13 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết tay trên tài liệu cần giám định ký hiệu A14 với chữ viết mang tên Vũ Thị B1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M14 đến M17 là chữ viết của cùng một người.

Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã xét xử như sau: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm hai tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Tiến D, Nguyễn Xuân Th, Vũ Thị B1, La Hồng L1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù là 02 tháng 20 ngày.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 năm 08 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

+ Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội đối với bị cáo Trần Văn T là 03 năm 10 tháng 20 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo 01 tháng 24 ngày tạm giam, tạm giữ.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến D 03 năm tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Th 01 năm 03 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Các bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị bị xử phạt tù cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/6/2020, bị cáo Phạm Tiến D kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 15/6/2020, bị cáo Nguyễn Xuân Th kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 17/6/2020, bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù đối với tội “*Đánh bạc*”.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKSTLC, ngày 30/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm, sửa bản án theo hướng:

- Giữ nguyên hình phạt nhưng không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T về hành vi phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của Trần Văn T 213.326.029 đồng tiền phát sinh từ tội phạm. Tịch thu của Trần Văn T số tiền 105.000.000 đồng là khoản tiền gốc bị cáo T cho vay nhưng những

người vay chưa trả để sung ngân sách Nhà nước và buộc những người vay phải nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Buộc anh Nguyễn Văn Th2 phải nộp vào ngân sách Nhà nước 10.000.000 đồng; Buộc anh Nguyễn Văn A1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước 45.000.000 đồng; Buộc anh Hoàng Văn Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước 30.000.000 đồng; Buộc anh Hoàng Việt X1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước 10.000.000 đồng; Buộc anh Trương Văn Huân phải nộp vào ngân sách Nhà nước 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn T, Phạm Tiến D, Nguyễn Xuân Th giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo và các đồng phạm khác. Bị cáo Trần Văn T không nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc truy thu số tiền 200.000.000 đồng (là khoản vay của anh Trần Văn H2 và anh Doãn Văn V2), vì số tiền 100.000.000 đồng bị cáo cho anh H2 vay, khi anh H2 trả thì bị cáo lấy khoản tiền này cho anh V2 vay. Vì vậy chỉ tính truy thu số tiền là 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận kháng nghị số 07/QĐ-VKSTLC, ngày 30/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo nội dung Quyết định kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo và các đồng phạm tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận: Từ năm 2017 đến ngày 24/11/2019, bị cáo Trần Văn T đã cho 07 người vay/07 giao dịch với tổng số tiền là 305.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ năm triệu đồng*), tiền lãi đã thu là 73.800.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định tối đa 20%/năm thì bị cáo cho vay theo lãi suất cao gấp trên 5 lần. Xác định số tiền bị cáo Trần Văn T cho vay lãi nặng thu lợi bất chính là 60.473.973 đồng. Từ tháng 4/2019 cho đến khi bị bắt là ngày 25/11/2019, bị cáo Trần Văn T đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức nhận và ghi 73 bảng tổng hợp số lô, số đề với tổng số tiền là 748.809.000 đồng. Bị cáo Phạm Tiến D đã ghi 13 bảng số lô, số đề nộp cho bị cáo T với tổng số tiền 320.780.500 đồng. Bị cáo Nguyễn X1 Th

đã ghi 02 bảng số lô, số đề nộp cho bị cáo T với tổng số tiền 34.065.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử về tội “*Đánh bạc*”, bị cáo Trần Văn T còn bị xét xử về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại các Điều 201, 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai:

[2.1]. Về căn cứ đề nghị không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”: Trong 07 giao dịch với tổng số tiền 305.000.000 đồng thì có 01 giao dịch có số tiền thu lợi bất chính là 38.419.178 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm cơ bản theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện 06 lần phạm tội với số tiền thu lợi bất chính từ 945.205 đồng đến 8.175.342 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” là đúng pháp luật. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về xử lý vật chứng: Số tiền gốc là 305.000.000 đồng bao gồm: 100.000.000 đồng là khoản vay của anh Trần Văn H2; 100.000.000 đồng là khoản vay của anh Doãn Văn V2 (anh H2, anh V2 đã trả cho bị cáo); 105.000.000 đồng là khoản vay của Nguyễn Văn Th2; Nguyễn Văn A1; Hoàng Văn Th; Hoàng Việt X1; Trương Văn Huân (chưa trả cho bị cáo) là khoản tiền cho vay (tiền gốc) được xác định là phương tiện phạm tội, nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Không có căn cứ chứng minh lời khai của bị cáo về số tiền 100.000.000 đồng bị cáo cho anh H2 vay, khi anh V2 trả thì bị cáo lấy khoản tiền này cho anh V2 vay. Vì vậy, không chấp nhận lời khai này của bị cáo. Đối với số tiền 13.326.029 đồng (là tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm của 07 giao dịch). Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm thì cần truy thu để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1]. Đối với bị cáo Trần Văn T: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội và xử phạt bị cáo mức án 03 năm 10 tháng 20 ngày tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phát huy được tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Đối với bị cáo Phạm Tiến D: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm được chứng cứ mới đó là biên bản giám định khả năng lao động số 7009/GĐYK-SK, ngày 20/4/2012 của Hội đồng giám định y

khoa tỉnh Lào Cai xác định tỷ lệ mất sức lao động của bị cáo là 82%, theo bản tiêu chuẩn mất sức lao động bệnh tật ban hành tại Thông tư liên bộ số 12/TT-LB ngày 26/7/1995 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội – Bộ Y tế Quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới. Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật quy định như sau: *“Người khuyết tật đặc biệt nặng khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận không còn khả năng tự phục vụ hoặc suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên”*. Đối với chứng cứ bị cáo xuất trình và căn cứ vào văn bản đã viện dẫn ở trên thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo có căn cứ chấp nhận.

[3.3]. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân Th: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm có sai sót như sau: Khi tuyên phạt bị cáo Trần Văn T 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng luôn Điều 55 Bộ luật hình sự chuyển đổi sang hình phạt tù là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự vì: Chỉ khi tuyên hình phạt tù về tội *“Đánh bạc”* xong. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt tù thì khi đó mới chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù để tổng hợp. Khi tổng hợp hình phạt của hai tội, bản án sơ thẩm cũng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự là thiếu. Vì vậy cấp phúc thẩm cần sửa lại cho đúng quy định của pháp luật.

[4.]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Xuân Th không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Phạm Tiến D được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm d, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Xuân Th. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt tù đối với các bị cáo như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm hai tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và tội “*Đánh bạc*”, bị cáo Nguyễn Xuân Th phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Chuyển đổi hình phạt 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ đối với tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” thành hình phạt tù là 02 (hai) tháng 20 (hai mươi) ngày. Tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 10 (mười) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2019 đến ngày 21/01/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Tiến D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt đối với bị cáo như sau:

Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến D phạm tội “*Đánh bạc*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Phạm Tiến D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Chấp nhận một phần kháng nghị số 07/QĐ-VKSTLC, ngày 30/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần xử lý vật chứng đối với bị cáo Trần Văn T như sau:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu để tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Văn T tổng số tiền 318.326.029 đồng “*Ba trăm mười tám triệu ba trăm hai sáu ngàn không trăm hai chín đồng*”, bao gồm các khoản tiền như sau: 100.000.000 đồng là khoản vay của anh Trần Văn H2; 100.000.000 đồng và khoản vay của anh Doãn Văn V2 (cả hai khoản vay này anh V2 và anh H2 đã trả cho bị cáo). 13.326.029 đồng “*mười ba triệu ba trăm hai sáu ngàn không trăm hai chín đồng*” (là tiền lãi tương ứng lãi xuất 20%/năm của 07 giao dịch). 105.000.000 đồng “*Một trăm lẻ năm triệu đồng*”, là khoản vay của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay và chưa trả cho bị cáo. Buộc những người này phải nộp vào ngân sách Nhà nước, phân cụ thể như sau: Nguyễn Văn Th2 10.000.000 đồng “*Mười triệu đồng*”; Nguyễn Văn A1 45.000.000 đồng “*Bốn mươi năm triệu đồng*”; Hoàng Văn Th 30.000.000 đồng “*Ba mươi triệu đồng*”; Hoàng Việt X1 10.000.000 đồng “*Mười triệu đồng*”; Trương Văn Huân 10.000.000 đồng “*Mười triệu đồng*”.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Xuân Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Phạm Tiến D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS CA huyện B;
- CQĐT CA huyện B;
- TAND huyện B;
- Sở tư pháp;
- UBND xã H, H- B3;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- Bị cáo 3; Người có QLNVLQ 5;
- Lưu hồ sơ – AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn

